

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030  
của Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;*

*Căn cứ Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 201/TTr-SNN ngày 18 tháng 8 năm 2021 và của Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei tại Tờ trình số 22/TTr-BQL ngày 11 tháng 8 năm 2021 (kèm theo hồ sơ).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei (sau đây gọi tắt là Ban quản lý) với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên đơn vị chủ rừng:** Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Glei.

**2. Địa chỉ:** xã Đăk Nhoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

**3. Hiện trạng sử dụng đất và tài nguyên rừng:**

- Tổng diện tích tự nhiên đang quản lý: 42.661,22 ha; trong đó: diện tích quy hoạch chức năng phòng hộ 42.373,74 ha, diện tích quy hoạch chức năng sản xuất 287,48 ha.

- Tổng trữ lượng gỗ hiện có: Gỗ rừng tự nhiên: 6.902.559 m<sup>3</sup>, gỗ rừng trồng: 330.866 m<sup>3</sup>.

*(Chi tiết có biểu 01, 02, 03 kèm theo)*

#### **4. Mục tiêu Phương án:**

**4.1. Mục tiêu chung:** Quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có, đẩy mạnh phát triển rừng thông qua hoạt động trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng, nâng cao chất lượng rừng; phát huy giá trị phòng hộ đầu nguồn, hạn chế xói mòn, sạt lở đất, lũ ống, lũ quét, điều tiết nguồn nước khu vực hạ lưu. Sử dụng bền vững rừng và đất rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học. Giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập và tạo sinh kế cho người dân trong vùng. Tạo ra giá trị kinh tế từ hoạt động bảo vệ phát triển rừng, cung ứng các loại dịch vụ, du lịch sinh thái, khai thác lâm sản ngoài gỗ...

#### **4.2. Mục tiêu cụ thể:**

**4.2.1. Về kinh tế:** Trữ lượng rừng tự nhiên cuối kỳ đạt 7.221.000 m<sup>3</sup>; trữ lượng rừng trồng đến cuối kỳ đạt 432.000 m<sup>3</sup>. Giá trị thu được từ chi trả dịch vụ môi trường rừng 170 tỷ đồng trong cả giai đoạn, bình quân 17 tỷ đồng/năm và các nguồn thu khác từ khai thác lâm sản ngoài gỗ, cho thuê môi trường rừng, du lịch sinh thái...

#### **4.2.2 Mục tiêu về môi trường:**

- Bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng hiện có; tiếp tục thực hiện phát triển rừng thông qua trồng rừng mới và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh đối với diện tích đất chưa có rừng, đến năm 2030 tỷ lệ độ che phủ rừng của đơn vị đạt 97,67%.

- Duy trì và phát triển thêm diện tích rừng, nâng cao tính phòng hộ của rừng, chống xói mòn, lở đất vùng chân núi nơi có dân cư sinh sống và hệ thống đường giao thông; phòng chống thiên tai, rủi ro, đảm bảo an ninh môi trường để phát triển kinh tế.

- Bảo tồn tài nguyên động thực vật rừng, đặc biệt là các loài quý, hiếm, bị đe dọa nguy cấp theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, Sách đỏ Việt Nam và IUCN, CITES.

**4.2.3. Mục tiêu về xã hội:** Hàng năm ổn định việc làm cho gần 100 cán bộ công nhân viên trong đơn vị; thông qua các hoạt động của phương án, hàng năm tạo thêm việc làm cho khoảng 250 lao động tại địa phương, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân trong khu vực, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **5. Kế hoạch thực hiện Phương án đến năm 2030:**

**5.1. Kế hoạch sử dụng đất:** Đến năm 2030 quản lý ổn định diện tích 42.661,22 ha. Quản lý và sử dụng có hiệu quả diện tích rừng và đất lâm nghiệp, không để lấn chiếm, tranh chấp đất trên diện tích giao quản lý.

## **5.2. Kế hoạch quản lý bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học:**

### **5.2.1. Kế hoạch quản lý bảo vệ rừng:**

- Khoán bảo vệ rừng khoảng 26.663 ha/năm.
- Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có.
- Hàng năm xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và triển khai thực hiện. Tổ chức tuần tra, ứng trực thường xuyên để xử lý, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng.

### **5.2.2. Kế hoạch phát triển rừng:**

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên khoảng 291 ha.
- Trồng rừng mới khoảng 195 ha.
- Chăm sóc rừng trồng mới khoảng 195 ha.
- Trồng cây phân tán 15.000 cây.
- Phát triển dược liệu dưới tán rừng (*trồng Sâm Ngọc Linh*): 18.000 cây Sâm Ngọc Linh.

### **5.2.3. Kế hoạch sử dụng rừng:**

- Khai thác nhựa thông bằng phương pháp trích nuôi dưỡng bền vững với diện tích 14.136 ha rừng tự nhiên và 1.778 ha rừng trồng, sản lượng khoảng 991 tấn.
- Thực hiện khai thác lâm sản ngoài gỗ trên diện tích 37.135 ha với sản lượng khoảng 1.007 tấn.

**5.2.4. Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học:** Tổ chức điều tra, đánh giá, giám sát về các giá trị đa dạng sinh học trong các khu rừng tự nhiên làm cơ sở xây dựng các chương trình, kế hoạch bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng trên lâm phần quản lý.

## **5.3. Kế hoạch nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực:**

- Nghiên cứu khoa học: Nghiên cứu về các mô hình sinh kế bền vững gắn với công tác bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học của cộng đồng địa phương theo hướng bền vững. Điều tra thành phần, phân bố các loài thực vật có giá trị và đề xuất các giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững.

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn các kỹ năng về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng điều tra, theo dõi, giám sát tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên trong đơn vị tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

#### **5.4. Kế hoạch xây dựng hạ tầng:**

- Sửa chữa nhà làm việc: 01 công trình.
- Trạm bảo vệ rừng: Xây mới 01 trạm; sửa chữa 10 trạm.
- Tu bổ đường ranh cản lửa: Tổng chiều dài là 177 km.
- Biển báo tuyên truyền: Xây dựng mới 10 bảng tuyên truyền về bảo vệ rừng tại những vị trí đầu các tuyến đường gần lâm phần có đông dân cư qua lại.
- Mua sắm trang thiết bị phục vụ bảo vệ rừng.

**5.6. Hoạt động hỗ trợ và dịch vụ cho cộng đồng:** Công tác giao khoán bảo vệ rừng hỗ trợ cho cộng đồng dân cư trên địa bàn các xã. Qua hoạt động này, mục tiêu quản lý bảo vệ rừng của đơn vị sẽ đạt hiệu quả cao, nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng dân cư đối với việc bảo vệ rừng, đồng thời đã tăng thêm nguồn thu nhập đáng kể cho các hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số trong khu vực.

**5.7. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng:** Thực hiện quản lý sử dụng nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đảm bảo đúng, kịp thời, nhanh chóng theo quy định; hàng năm thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng theo phương án đề ra, chủ động làm tốt công tác cập nhật kết quả theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.

#### **5.8. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; điều tra, kiểm kê rừng:**

- Thực hiện theo dõi, cập nhật kịp thời, đầy đủ những trạng thái rừng biến đổi; giám sát biến động đa dạng sinh học đã được điều tra, đánh giá để có giải pháp quản lý kịp thời, hiệu quả.

- Tiến hành kiểm kê rừng theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

**5.9. Đo đạc, cắm mốc xác định ranh giới diện tích rừng và đất lâm nghiệp:** Xác định ranh giới, vị trí cắm mốc và tiến hành cắm mốc ngoài thực địa, đo đạc và lập hồ sơ ranh giới, mốc; đo đạc, thành lập bản đồ địa chính (tỷ lệ 1:2000), đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, xây dựng hồ sơ; hoàn thiện hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận.

### **6. Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 273.470,5 triệu đồng; trong đó:**

#### **6.1. Phân theo giai đoạn:**

- Giai đoạn 2021-2025: 153.693,1 triệu đồng;
- Giai đoạn 2025-2030: 119.777,4 triệu đồng.

#### **6.2. Phân theo nguồn vốn:**

- Nguồn ngân sách Nhà nước: 97.957,5 triệu đồng;
- Nguồn vốn dịch vụ môi trường rừng: 166.022,1 triệu đồng;
- Nguồn vốn khác (khai thác lâm sản ngoài gỗ,...): 9.490,9 triệu đồng.

## **7. Giải pháp thực hiện Phương án:**

**7.1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực:** Rà soát bộ máy quản lý của đơn vị đảm bảo hiệu lực, hiệu quả. Quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể từng đơn vị, cá nhân, gắn quyền lợi và trách nhiệm của cán bộ, viên chức và người lao động với hoạt động bảo vệ phát triển rừng. Xây dựng lực lượng chuyên trách quản lý bảo vệ rừng đủ mạnh để thực hiện nhiệm vụ.

### **7.2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan:**

- Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền Luật Lâm nghiệp; công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

- Hàng năm, vào mùa khô tổ chức phối hợp bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng với các chủ rừng giáp ranh. Huy động lực lượng tham gia truy quét bảo vệ rừng vào những thời điểm có nguy cơ phá rừng, cháy rừng cao nhằm ngăn chặn, xử lý kịp thời những đối tượng vi phạm Luật Lâm nghiệp.

### **7.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ:**

- Ứng dụng ảnh viễn thám - GIS, công nghệ thông tin trong điều tra rừng, quản lý tài nguyên rừng để đánh giá đúng diễn biến rừng, thay đổi đất đai và cập nhật thường xuyên, kịp thời.

- Trang bị, tập huấn cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng về sử dụng công nghệ số trong tuần tra, theo dõi, quản lý rừng, nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý rừng bền vững của đơn vị.

### **7.4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư:**

- Nguồn vốn ngân sách: Đầu tư cho các hạng mục phát triển rừng như khoanh nuôi, nuôi dưỡng rừng tự nhiên, trồng rừng phòng hộ, sửa chữa cơ sở hạ tầng như nhà làm việc, trạm quản lý bảo vệ rừng.

- Nguồn vốn dịch vụ môi trường rừng: Đầu tư cho các hạng mục quản lý bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng, xây dựng, mua sắm trang thiết bị phục vụ bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng.

- Nguồn vốn tự có của đơn vị: Đầu tư cho các hạng mục phát triển rừng sản xuất, hỗ trợ cộng đồng dân cư...

- Chủ động tìm kiếm nguồn vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân đầu tư cho du lịch sinh thái, các tài trợ từ dự án lâm nghiệp...

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

**1.** Ban quản lý Rừng phòng hộ Đăk Glei tổ chức thực hiện theo đúng nội dung Phương án được phê duyệt theo quy định. Tự giám sát, đánh giá các hoạt động quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt. Hàng năm, trước ngày 10 tháng 12, báo cáo kết quả thực hiện Phương án về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn vị chủ quản theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện phương án. Hằng năm trước ngày 15 tháng 12, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện Phương án theo quy định.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp theo đúng quy định để đơn vị thực hiện Phương án.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về khả năng cân đối vốn, bố trí nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công để đơn vị thực hiện Phương án.

5. Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei và các đơn vị liên quan phối hợp, tạo điều kiện để Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Glei thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững có hiệu quả.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei; Trưởng ban Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Glei và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Văn phòng UBND tỉnh: PCVP<sub>KSX</sub>;
- Lưu: VT, NNTN.NTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Tháp**